

# TÓM TẮT TIỂU SỬ NHÂN VẬT

## I. HUYỆN TRẦN ĐỀ

### 1. LƯU THÀNH NGỌC (1916-1970)

Liệt sĩ Lưu Thành Ngọc (tên thường dùng: Năm Ngọc, Sáu Mỳ), sinh năm 1916. Quê quán: ấp Mỹ Tường, xã Mỹ Quới, huyện Thạnh Trị (nay là thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng. Sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo ở vùng quê là nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Sóc Trăng, đồng chí Lưu Thành Ngọc sớm giác ngộ lý tưởng cách mạng và tham gia cách mạng năm 1940, làm liên lạc cho Hội Ái Hữu xã Mỹ Quới. Tháng 02 năm 1944 đồng chí Lưu Thành Ngọc được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam tại Chi bộ Đảng xã Mỹ Quới.

Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, đồng chí Lưu Thành Ngọc lần lượt được Đảng phân công công tác như: Ủy viên Ban Chấp hành Thanh niên cứu quốc xã Mỹ Quới; Ủy viên Ủy ban Hành chính kháng chiến xã Mỹ Quới; Trưởng công an xã Mỹ Quới; Phó Chủ tịch, Chủ tịch Mặt trận Liên Việt xã Mỹ Quới.

Hiệp định Giơnevê được ký kết năm 1954, đồng chí Lưu Thành Ngọc được phân công ở lại miền Nam công tác, chuyển vùng hoạt động bí mật ở các xã: Ninh Thạnh Lợi, Lộc Ninh, Vĩnh Lộc của huyện Hồng Dân với các chức vụ: Chi ủy viên, Phó Bí thư, Bí thư Chi bộ xã.

Năm 1962 đến năm 1966, đồng chí Lưu Thành Ngọc được điều động về Tỉnh ủy Sóc Trăng công tác, giữ chức vụ Ủy viên Ban Kinh tài Tỉnh ủy, hoạt động ở địa bàn các huyện: Mỹ Xuyên, Vĩnh Châu, Lịch Hội Thượng. Đầu năm 1967, đồng chí Lưu Thành Ngọc được Tỉnh ủy Sóc Trăng điều động, bổ sung làm Huyện ủy viên huyện Lịch Hội Thượng, phụ trách Kinh Tài của huyện Lịch Hội Thượng. Ngày 1/5/1970, trong chuyến đi công tác, đồng chí Lưu Thành Ngọc bị giặc phục kích và hy sinh tại khu vực rừng đước Bãi Giá - Mỏ Ó, ven sông Mỹ Thanh. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất; các cấp ủy, lực lượng Quân đội, Bộ đội Biên phòng, ngành LĐTĐ-XH cùng đồng đội, gia đình nhiều lần tìm kiếm nhưng không tìm được hài cốt.

Quá trình hoạt động cách mạng trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đồng chí Lưu Thành Ngọc được Đảng và Nhà nước phong tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất và nhiều Huân, Huy chương khác.

Tuyến đường dự kiến đặt tên: “Lưu Thành Ngọc” nằm tại thị trấn Trần Đề cũng là vùng đất mà Liệt sĩ Lưu Thành Ngọc đã chiến đấu và anh dũng hy sinh. Qua xem xét mục đích, ý nghĩa và nhằm tôn vinh công lao của Liệt sĩ Lưu Thành Ngọc; UBND huyện Trần Đề, thị trấn Trần Đề và các ngành chức năng thống nhất đặt tên tuyến đường này là đường Lưu Thành Ngọc.

### 2. HỒ MINH LUÔNG (1939-1969)

Hồ Minh Luông (tên thường gọi Mười Luông), sinh năm 1939, tại xã Thạnh Thới An, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Xuất thân trong gia đình nông dân nghèo, sớm giác ngộ lý tưởng cách mạng, năm 1960, đồng chí Hồ Minh Luông tham gia du kích xã. Năm 1961, đồng chí Hồ Minh Luông được kết nạp vào Đảng Lao động Việt Nam. Đồng chí được đưa đi đào tạo cán bộ Trung đội và làm cán sự chính trị Tiểu đoàn Phú Lợi.

Năm 1963, đồng chí Hồ Minh Luông được điều về làm Chính trị viên Đại đội C.247, hoạt động ở vùng xã Châu Khánh, huyện Long Phú. Đồng chí Hồ Minh Luông đã chỉ huy đánh thắng địch trong nhiều trận chiến đấu như: Trận chống càn ở Kinh Cù,

xã Long Đức; Trận đánh đồn Dân vệ ở xã Phú Hữu (6/1967); Trong Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, đồng chí Hồ Minh Luông chỉ huy đơn vị tấn công vào thị xã Sóc Trăng (1/1968); Trận đánh phản kích D.B.A tiểu khu (5/1968); trận đánh bảo vệ Bàn thờ Bác ở ấp Trường Lộc, xã Trường Khánh (9/1969).

Đại đội C.247 là đơn vị độc lập, đồng chí Hồ Minh Luông và đơn vị luôn chủ động đánh địch, luôn xây dựng đơn vị vững mạnh và trưởng thành. Đại đội C.247 là đơn vị được Đảng, Nhà nước tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đầu tiên của tỉnh Sóc Trăng và tặng 08 chữ vàng “*Trung dũng, kiên cường, bám dân, diệt địch*” vào năm 1970.

Trong suốt quá trình tham gia lực lượng vũ trang và khi làm Chính trị viên Đại đội C.247, đồng chí Hồ Minh Luông luôn hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc, lập được nhiều thành tích nổi bật. Đồng chí Hồ Minh Luông dũng cảm, mưu trí, gan dạ, luôn luôn có tư tưởng tiến công địch, được anh em, đồng đội quý mến, cấp trên tin tưởng.

Đồng chí Hồ Minh Luông hy sinh ngày 17/10/1969, tại ấp 3, xã Châu Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Đồng chí Hồ Minh Luông được Đảng, Nhà nước tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; là liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân duy nhất của huyện Trần Đề.

### **3. LƯU THÀNH NGUYÊN (1932- 1971)**

Liệt sĩ Lưu Thành Nguyên (tên thường dùng: Lưu Văn Sinh, Lưu Hữu Nguyên, Chín Nguyên). Sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo ở vùng quê huyện Lịch Hội Thượng, ông sớm giác ngộ lý tưởng, tham gia cách mạng và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam từ rất sớm.

Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông đã tham gia gây dựng phong trào cách mạng ở cơ sở, xây dựng, thành lập và củng cố các Chi bộ Đảng. Lịch sử Đảng bộ huyện Lịch Hội Thượng ghi nhận những đóng góp to lớn của đồng chí Lưu Thành Nguyên đối với phong trào cách mạng ở nhiều địa phương như: xã Lịch Hội Thượng, xã Liêu Tú, xã Trung Bình, xã Thạnh Thới An... Đồng thời, chỉ đạo xây dựng Chi bộ “4 tốt”, phong trào “Giết giặc lập công”...

Ngày 25/8/1966, Tỉnh ủy Sóc Trăng quyết định thành lập lại huyện Lịch Hội Thượng, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 07 đồng chí, do đồng chí Lưu Thành Nguyên làm Bí thư Huyện ủy. Giai đoạn này, đồng chí Lưu Thành Nguyên cùng với Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lịch Hội Thượng tiếp tục phát triển phong trào cách mạng, xây dựng lực lượng, xây dựng địa phương quân và đánh địch. Đặc biệt là trực tiếp lãnh đạo toàn Đảng bộ, Quân và Dân huyện Lịch Hội Thượng Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

Tháng 7/1969, đồng chí Lưu Thành Nguyên được điều động về tỉnh công tác, tham gia lãnh đạo, chỉ huy các đại đội, tiểu đoàn độc lập của tỉnh. Trong chuyên đi công tác, bị địch phục kích, đồng chí Lưu Thành Nguyên đã anh dũng chiến đấu và hy sinh vào ngày 9/6/1971.

## **II. HUYỆN CÙ LAO DUNG**

### **1. Lê Hồng Phong (1902-1942)**

Lê Hồng Phong sinh năm 1902 tại tổng Thông Lạng (nay là xã Hưng Thông), huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Xuất thân trong một gia đình nông dân lao động, tại một tỉnh giàu truyền thống cách mạng. Sau khi học xong sơ học yếu lược, ông rời làng ra thành phố, hết Vinh lại đến Bến Thủy, sống cảnh làm thuê làm mướn. Chính trong thời gian này Lê Hồng Phong tận mắt chứng kiến cuộc sống bị bóc lột, bị áp bức bất công của nhân dân lao động do bọn thực dân, phong kiến gây ra.

Từ năm 1924, sau khi đến Thái Lan một thời gian, Lê Hồng Phong cùng một số bạn bè tìm đường sang Quảng Châu, Trung Quốc vào năm 1924. Ở Quảng Châu, Lê Hồng Phong cùng một số bạn như: Phạm Hồng Thái, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Lâm Đức Thụ trong nhóm Tâm Tâm đã tích cực khôi phục lại phong trào yêu nước đang bị suy yếu. Lê Hồng Phong là một trong những học trò đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc, được Người giác ngộ đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin và cách mạng vô sản.

Từ tháng 8/1924 đến hết năm 1925, Lê Hồng Phong tốt nghiệp Trường Quân sự Hoàng Phố. Tháng 02/1926, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Trung Quốc. Do học xuất sắc, ông được Chính phủ Quảng Châu và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cử sang Liên Xô học từ tháng 10/1926 đến tháng 12/1927 và tốt nghiệp Trường Lý luận quân sự không quân ở Leningrat. Sau đó, ông vào học Trường Đào tạo phi công quân sự tại Bôritxgolép-xơ. Tháng 10/1928 (học chưa xong khoá) ông được cử về học ở Trường Đại học Cộng sản Phương Đông. Ở đây, đồng chí trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Liên Xô và tham gia trong Ủy ban tổ chức Đảng nhóm Đông Dương. Tháng 11/1931, đồng chí được cử về nước để tham gia công tác của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tháng 7/1933, đồng chí Lê Hồng Phong bí mật về Cao Bằng làm việc với Tỉnh ủy nhằm xây dựng Cao Bằng thành căn cứ vững mạnh để chấp nối liên lạc, phát triển phong trào cách mạng khắp cả nước. Tháng 3/1934, Ban Chỉ huy ở ngoài được thành lập, có chức năng như một Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng ở nước ngoài gồm 03 người do đồng chí Lê Hồng Phong làm Bí thư, Hội nghị quyết định sẽ tổ chức Đại hội lần thứ I của Đảng vào năm 1935 và phải xúc tiến thành lập các xứ ủy trước Đại hội. Chưa kịp tổ chức Đại hội thì đồng chí Lê Hồng Phong được triệu tập đi dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản. Tại Đại hội, đồng chí Lê Hồng Phong thay mặt Đảng ta đã trình bày bản tham luận về tình hình Đông Dương, về phong trào cách mạng, về chính sách cai trị tàn bạo của thực dân Pháp, về những ưu và khuyết điểm trong quá trình lãnh đạo của Đảng. Với sự kiểm điểm chân thành và nghiêm túc, đồng chí chứng minh triển vọng rộng lớn của phong trào cách mạng Đông Dương. Đại hội đã bầu đồng chí Lê Hồng Phong làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản và công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là phân bộ chính thức của Quốc tế Cộng sản.

Tháng 3/1935, Đại hội lần thứ I của Đảng họp tại Ma Cao bầu ra Ban Chấp hành Trung ương, trong đó có đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Lê Hồng Phong, đồng chí Hà Huy Tập, đồng chí Phùng Chí Kiên, đồng chí Hoàng Đình Giông. Đại hội thống nhất bầu đồng chí Lê Hồng Phong là người đứng đầu Ban Chấp hành Trung ương.

Tháng 6/1939, đồng chí Lê Hồng Phong bị mật thám Pháp bắt tại Sài Gòn. Hết hạn tù, để đề phòng ông tham gia hoạt động, chúng trục xuất về quê nhà ở Nghệ An để quản thúc và giám sát. Năm 1939 là năm địch kiểm soát rất gắt gao. Vượt qua điều kiện ngặt nghèo đó, ông vẫn tiếp tục viết báo, chiến đấu trên mặt trận chính trị, lý luận.

Năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Lo sợ trước phong trào cách mạng dâng cao, thực dân Pháp tăng cường đàn áp. Tháng 01/1940, chúng bắt giam đồng chí Lê Hồng Phong tại quê, rồi giam vào Khám Lớn Sài Gòn. Cuối năm 1940, chúng đày ra Côn Đảo. Trước những đòn tra tấn dã man, liên tục của địch, ông vẫn nêu cao chí khí cách mạng, không khai báo một lời. Chúng hành hạ ông cho đến kiệt sức. Trước khi trút hơi thở cuối cùng vào trưa ngày 06/9/1942, ông nhắn lại: *“Nhờ các đồng chí nói với Đảng rằng, tới giờ phút cuối cùng, Lê Hồng Phong vẫn tin tưởng vào thắng lợi vẻ vang của cách mạng”*

## **2. Văn Ngọc Chính (1908 – 1955)**

Tháng 01/1938, Văn Ngọc Chính được kết nạp vào Đảng và sinh hoạt tại Chi bộ làng Hòa Tú do đồng chí Nguyễn Tấn Đạt làm Bí thư. Sau đó, Văn Ngọc Chính được cử làm Bí thư Chi bộ Hòa Tú. Văn Ngọc Chính lãnh đạo thành công cuộc khởi nghĩa Nam kỳ năm 1940 ở làng Hòa Tú. Ông bị địch bắt và đưa ra tòa kết án chung thân khổ sai, tịch thu gia sản và đày đi Côn Đảo. Cách mạng tháng Tám thành công, ông trở về đất liền

Từ tháng 02/1950 đến tháng 7/1954, ông được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng, làm Bí thư Huyện ủy Thạnh Trị (từ tháng 02/1950 đến tháng 11/1953) và Trưởng Ty Canh nông (từ tháng 11-1953 đến tháng 7/1954).

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, Văn Ngọc Chính được phân công ở lại miền Nam hoạt động, bám địa bàn, củng cố và xây dựng cơ sở cách mạng để bước vào cuộc đấu tranh mới. Cuối tháng 10/1954, Tỉnh ủy bí mật Sóc Trăng được thành lập, ông được chỉ định là Tỉnh ủy viên. Ngày 05/6/1955, do có kẻ phản bội chỉ điểm, ông bị địch bắt trên đường đi công tác ở ấp Hiệp Hòa, xã Gia Hòa. Chúng đem ông về Sóc Trăng tra tấn rất dã man đến chết rồi quăng xuống cầu Đại Ngãi để nước cuốn trôi mất tích. Văn Ngọc Chính hy sinh ngày 23/8/1955.

Với nhiều đóng góp cho sự nghiệp cách mạng tại quê hương, đồng chí Văn Ngọc Chính được Đảng và Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng Nhất; Huân chương giải phóng hạng Nhất. Ngày 22/02/2010 liệt sĩ Văn Ngọc Chính được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

### **3. Phú Lợi III**

Ngày 20/4/1973, tại Nhà ông Ba Xuyên, ấp Phước Hòa, xã An Thạnh Nhì, huyện Long Phú (nay là ấp Phước Hòa B, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung) Tiểu đoàn Phú Lợi III được thành lập, Ban Chỉ huy Tiểu đoàn gồm có các đồng chí: Lê Thanh Trọng (Ba Trọng) - Tiểu đoàn trưởng; Bảy Phước - Chính trị viên; Lưu Khánh Vân - Tiểu đoàn phó; Dương Thanh Bé - Chính trị viên phó; Ban Chỉ huy Tiểu đoàn và các đại đội đóng quân phân lớn ở ấp Phước Hòa B, thị trấn Cù Lao Dung, Đại đội 1 đóng quân tại ấp Đặng Trung Tiến, xã An Thạnh Đông. Quân số tiểu đoàn hầu hết được bổ sung từ du kích các xã Cù Lao và du kích các xã đất liền Long Phú. Địa bàn hoạt động chủ yếu của Tiểu đoàn Phú Lợi III là huyện Long Phú, căn cứ đóng quân tại Cù Lao Dung từ 1973-1974.

## **III. HUYỆN KẾ SÁCH**

### **1. Phan Văn Hùng (1949 - 1971)**

Năm 1965, ông tham gia vào đội du kích xã Đại Hải và được kết nạp vào Đoàn thanh niên cứu quốc. Năm 1967, ông được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam và giữ chức Xã Đội trưởng xã Đại Hải.

Với cương vị là Xã Đội trưởng, ông đã tổ chức hiệp đồng tác chiến với đơn vị địa phương quân huyện và các xã bạn tiến hành tác chiến 75 trận, làm chết và bị thương 433 tên giặc, bắt sống 61 tên, thu 151 súng các loại và 05 máy PRC 25. Riêng bản thân ông trực tiếp chỉ huy lực lượng du kích từ một tổ đến một trung đội tác chiến 46 trận, diệt và làm bị thương 230 tên giặc, bắt sống 11 tên, thu 13 súng các loại, 02 máy PRC 25 và phá huỷ 03 xe GMC.

Đầu năm 1970, đại đội 313 bảo an lọt vào trận địa phục kích tại khu vực cầu Ba Rinh, Phan Văn Hùng chờ địch vào khu vực đơn vị bố trí mìn, anh cho nổ mìn và đồng loạt xung phong, diệt tại chỗ 33 tên (có 3 tên Mỹ), làm bị thương 9 tên, bắt sống 3 tên (có 2 sĩ quan), thu 37 súng các loại, 1 máy PRC25, phá huỷ 3 xe GMC. Tháng 5/1971, biệt kích địch bất ngờ tập kích vào hậu cứ của ta. Phan Văn Hùng bình tĩnh chỉ

huy một bộ phận du kích chặn đánh địch để các đồng chí lãnh đạo xã rút lui an toàn. Trận đánh gần kết thúc, Phan Văn Hùng trúng đạn hy sinh.

Với những chiến công trong kháng chiến, ông được Nhà nước trao tặng 01 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 02 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, hạng Nhì, 01 Bằng Dũng sĩ diệt Mỹ, 01 Bằng Dũng sĩ diệt xe cơ giới, 01 Bằng Dũng sĩ diệt ngụy và 17 bằng, giấy khen các loại. Ngày 18/4/2000, liệt sĩ Phan Văn Hùng được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang.

## **2. Nguyễn Trung Trực (1838-1868)**

Năm 1861, Nguyễn Trung Trực cùng nghĩa quân đốt cháy tàu Espérance của giặc Pháp trên vàm Nhật Tảo và tiêu diệt nhiều tên địch lập nên chiến công vang dội. Tiếp theo nghĩa quân mở hàng loạt cuộc tấn công khác đánh vào tàu địch ở Bến Lức, Sông Tra..., làm cho quân Pháp lúng túng, bị động. Với chiến công trên vàm Nhật Tảo, Nguyễn Trung Trực được triều đình phong tặng chức quân cơ, xếp vào hàng chánh tứ phẩm.

Cuối tháng 6/1867, thực dân Pháp chiếm Vĩnh Long, tiếp đó là các tỉnh An Giang và Hà Tiên. Rạng sáng ngày 16/6/1868, ông chỉ huy nghĩa quân tấn công đồn Kiên Giang, toàn bộ quân Pháp và lính giữ đồn bị tiêu diệt.

Ngày 19/9/1868, giặc Pháp đưa hơn 100 lính Mã tà ra Phú Quốc, tấn công Hàm Ninh; sau đó chúng tăng cường thêm viện binh tấn công Dương Đông. Chúng bao vây, khủng bố, không chế gặt gạo nhân dân trên đảo hòn cô lập và triệt hạ nghĩa quân.

Sau khi bắt được Nguyễn Trung Trực, giặc Pháp đưa ông về Sài Gòn, giam tại Khám lớn và ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông nhưng ông cương quyết từ chối. Biết không thể khuất phục được Nguyễn Trung Trực, ngày 27/10/1868, thực dân Pháp đã xử chém ông tại Rạch Giá, khi ông mới 30 tuổi. Nhiều nơi ở miền Tây Nam Bộ, nhân dân lập đình thờ ông Nguyễn Trung Trực.